**Nhóm: 8**

**Thành viên:**

**1. Lê Thị Lý Đơn vị: Trường THCS Kpă Klơng**

**2. Đặng Thị Kiều Đơn vị: Trường THCS Kpă Klơng**

**3. Siu H’ Lang Đơn vị: Trường THCS Kpă Klơng**

**4. Lê Thị Yên Đơn vị: Trường TH & THCS Huỳnh Thúc Kháng**

**5. Lê Trung Kiên Đơn vị: Trường TH & THCS Huỳnh Thúc Kháng**

**BÀI THU HOẠCH TẬP HUẤN GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ XÂY DỰNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7**

1. **KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
|  | **Phân môn Lịch sử** |
| **1** | **Chủ đề 1. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX** | 1. Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | 2 TN |  |  |  |  |  |  |  |  5% |
| **2** | **Chủ đề 2. Ấn Độ từ thế kỉ từ thế kỉ IV đến giữu thế kỉ XIX** | 1.Thành tựu văn hóa Ấn Độ |  |  |  | 1TL |  |  |  |  | 15% |
| **3** | **Chủ đề 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XV** | 1. Vương quốc Campuchia.2. Vương quốc Lào. | 4 TN |  |  |  |  |  |  |  | 10% |
| **3** | **Chủ đề 4. Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI** | 2. Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê | 2 TN |  |  |  |  | 1 TL (a) |  | 1 TL (b) | 20% |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50%** |

|  |
| --- |
| **Phân môn Địa lí** |
| **1** | **Chủ đề. Châu Âu; vị trí và đặc điểm tự nhiên Châu Á***(10% đã kiểm tra giữa kì 1; 0,5 điểm)* | **Nội dung 1: Châu Âu** | 2TN |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| **Nội dung 2. Châu Á**- Vị trí địa lí, phạm vi- Đặc điểm tự nhiên Châu Á | 2TN2TN |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Chủ đề. Châu Á** *(10 tiết ; 4,5 điểm)* | *-* Đặc điểm tự nhiên Châu Á - Ðặc điểm dân cư, xã hội- Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á- Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | 6TN |  |  | 1TL |  | 1TL(a) |  | 1TL(b)1TL(b) | 45% |
| ***Tỉ lệ*** | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** | ***50%*** |

**B. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Lịch sử** |
| 1 | **Chủ đề 1. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX** | 1. Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX. | **Nhận biết**- Nêu được những chính sách về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. | 2 TN |  |  |  |
| 2 | **Chủ đề 2. Ấn Độ từ thế kỉ từ thế kỉ IV đến giữu thế kỉ XIX** | 1.Vương triểu Gupta.2. Vương triều Hồi giáo Delhi.3. Đế quốc Mogul. | Thông hiểu: -Giới thiệu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX |  | 1 TL |  |  |
| 3 | **Chủ đề 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XV** | 2. Vương quốc Campuchia.3. Vương quốc Lào. | **Nhận biết**- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hóa của Vương quốc Campuchia.- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hóa của Vương quốc Lào. | 4 TN |  |  |  |
| 4 | **Chủ đề 4. Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI** | 1. Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê | **Nhận biết****-**Nêu được những nét chính về thời Ngô.- Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh- Nêu được đời sống xã hội, văn hóa thời Ngô –Đinh- Tiền Lê**Thông hiểu****-**Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn (981).- Giới thiệu được nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô- Đinh – Tiền Lê**Vận dụng**- Vẽ được sơ đồ tổ chức chính quyền (trung ương) thời Ngô- Đinh – Tiền Lê- Đánh giá đượcnghệ thuật quân sự của Ngô Quyền đã được kế thừa, vận dụng vào cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn (981). | 2 TN |  | 1TL (a) | 1TL (b) |
| **Số câu/ loại câu** | **8 TN** | **1 TL** | **1 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Phân môn Địa lí** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chủ đề. Châu Âu: Vị trí và đặc điểm tự nhiên Châu Á** *(10% đã kiểm tra giữa kì 1)* | **Nội dung 1: Châu Âu** | **Nhận biết** - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. - Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Ðanuyp), Volga (Vonga).- Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. | 2TN2TN2TN2TN |  |  |  |
| **Nội dung 2. Châu Á**- Vị trí địa lí, phạm vi- Đặc điểm tự nhiên Châu Á | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản. | 2TN2TN |  |  |  |
| 2 | **Chủ đề.Châu Á** *(10 tiết; 4,5 điểm)* | - Đặc điểm tự nhiên Châu Á - Ðặc điểm dân cư, xã hội- Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á- Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | **Nhận biết**- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.- Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á | 6TN6TN6TN6TN |  |  |  |
| **Thông hiểu**- Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. |  | 1TL |  |  |
| **Vận dụng**Phân tích và giải thích mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của các khu vực Châu Á hiện nay. |  |  | 1TL(a) |  |
| **Vận dụng cao**- Liên hệ, lấy ví dụ về nền kinh tế Việt Nam hiện nay.- Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). |  |  |  | 1TL(b)1TL(b) |
| **Số câu/ loại câu** |  |  8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***15*** | 10 | 5 |
| ***Tổng hợp chung*** |  | ***40%*** | ***30%*** | 20% | 10% |

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

**Phân môn Lịch sử**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Lựa chọn đáp án đúng nhất ( Mỗi câu 0,25)**

**Câu 1: Nhà Đường dùng biện pháp nào để tuyển chọn nhân tài?**

A. các quan đại thần tiến cử người tài cho triều đình.

B. mở trường học cho con em quan lại.

C. đặt các khoa thi để tuyển chọn người tài.

D. vua trực tiếp tuyển chọn.

**Câu 2: Chính sách về kinh tế dưới thời Đường là?**

A.thi hành nhiều biện pháp giảm tô thuế

B.lấy ruộng công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân.

C.thi hành chính sách tô thuế nặng nề.

D.đáp án A và B

**Câu 3.Công trình kiến trúcĂng- co Vát nằm ở quốc gia nào?**

A. Lào.

 B. In- đô-nê- xi- a.

C. Việt Nam.

 D. Cam-pu-chia.

**Câu 4. Thạt Luổng là công trình kiến trúc nổi tiếng của nước nào ?**

A.Mi- an- ma.

 B.Lào.

C. Thái Lan.

 D.Sing- ga- po.

**Câu 5. Chủ nhân đầu tiên của người Lào là:**

A. người Khơ-me.

B. người Lào Lùm.

C. người Lào Thơng.

D. người Mông Cổ.

**Câu 6. Thời kỳ Ăng-co là thời kỳ phát triển thịnh vượng nhất của nước nào?**

A. Lào.

B. Cam-pu-chia.

C. Thái Lan.

D. Mi-an-ma.

**Câu 7. Ai là người đã có công dẹp loạn 12 sứ quân?**

A. Khúc Thừa Dụ.

B. Ngô Quyền.

C. Đinh Bộ Lĩnh

.D. Lê Hoàn.

**Câu 8. Sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng đặt tên nước là gì?**

A. Đại Việt.

B. Đại Cồ Việt.

C. Đại Ngu.

 D.Đại Nam.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1(1,5 điểm):** Em hãy giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX?

**Câu 2 (1,5 điểm) Đọc đoạn tư liệu sau:**

*“Triều đình trung ương do vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành về quân sự và dân sự. Giúp Lê Hoàn bàn việc nước có thái sư (quan đầu triều) và đại sư (nhà sư có danh tiếng). Dưới vua là các chức quan văn, quan võ; các con vua được phong vương và trấn giữ các vùng hiểm yếu.”*

a. Từ đoạn tư liệu trên em hãy vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy trung ương thời Đinh- Tiền Lê ?

b. Nghệ thuật đánh giặc của Ngô Quyền đã được Lê Hoàn kế thừa và vận dụng như nào trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 981?

**Phân môn Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Lựa chọn đáp án đúng nhất ( Mỗi câu 0,25)**

**Câu 1.** Ranh giới tự nhiên giữa châu Âu với châu Á là dãy núi

A. U-ran.

B. An-pơ.

C. Cac-pat.

D. Xcan-đi-na-vi.

**Câu 2.** Vùng ven biển phía Tây châu Âu có thảm thực vật là

A. rừng lá rộng, rừng hỗn hợp.

B. rừng lá kim.

C. thảo nguyên.

 D. hoang mạc và bán hoang mạc.

**Câu 3.** Châu Á thuộc lục địa

A. Phi.

B. Á - Âu.

C. Nam Mĩ.

D. Bắc Mĩ.

**Câu 4.** Hiện nay, châu Âu có tỉ lệ dân thành thị ở mức

A. cao.

B. thấp.

C. trung bình.

D. rất thấp.

**Câu 5.** Ở châu Âu khu vực nào sau đây thuộc đới lạnh?

A. Tây Âu.

B. Đông Âu.

C. Bắc Âu.

D. Nam Âu.

**Câu 6.** Châu Á trải dài trong khoảng

A. từ vòng cực Nam đến cực Nam.

B. từ vùng cực Bắc đến khoảng 100N.

C. từ vòng cực Nam đến khoảng 100N.

D. từ vòng cực Bắc đến cực Bắc.

**Câu 7.** Châu Á không tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

A. Đại Tây Dương.

B. Ấn Độ Dương.

C. Bắc Băng Dương.

D. Thái Bình Dương.

**Câu 8.** Dạng địa hình nào sau đây chiếm ¾ diện tích của châu Á?

A. đồng bằng.

B. núi.

C. núi, cao nguyên và sơn nguyên.

D. sông, hồ.

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm).** Nêu ý nghĩa của sông hồ đối với đời sống con người và bảo vệ tự nhiên ở châu Á?

**Câu 2 (1,5 điểm).**

a) Đánh giá những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của các khu vực Châu Á hiện nay.

b) Kể tên các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu.

**D. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần Lịch sử**

1. **TRẮC NGHIỆM** *(2,0 điểm).*Mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | C | D | D | B | C | B | C | B |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Biểu điểm** |
| **1** | ***Giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX?***- Tôn giáo : + Đạo Bà La Môn phát triển thành đạo Hin-đu – tôn giáo thịnh hành nhất ở Ấn Độ.+ Đạo Phật+ Đạo Hồi- Chữ viết – văn học: + Chữ Phạn đây là nguồn gốc của chữ viết Hin-đu.+ Nền văn học phong phú, đa dạng: Sử thi kịch thơ, truyện thần thoại… nội dung thể hiện chủ nghĩa nhân đạo, đề cao tư tưởng tự do… - Nghệ thuật kiến trúc ảnh hưởng sâu sắc của 3 tôn giáo lớn: Phật giáo, Hin-đu, Hồi giáo | 0,50,5 0,5 |
| **2** | **a*. Vẽ sơ đồ và nhận xét tổchức bộ máy trung ương thời Đinh- Tiền Lê***

|  |
| --- |
| Vua(Thái sư – Đại sư) |

|  |  |
| --- | --- |
| Quan văn | Quan võ |

***b. Ngô Quyền đã được Lê Hoàn kế thừa và vận dụng sáng tạo như nào trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 981****. (HS vận dụng kiến thức trả lời, GV linh hoạt cho điểm có thể tham khảo một số gợi ý sau):*- Năm 981, Lê Hoàn đã kế thừa kế sách đánh giặc của Ngô Quyền trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán (938):+ Lựa chọn địa hình đất nước để đánh giặc (cửa sông Bạch Đằng)…+ Bố trí trận địa cọc ngầm ở sông Bạch Đằng để ngăn chặn chiến thuyền của địch…+ Tổ chức, động viên toàn dân toàn quân tham gia đánh giặc… | 0,50,250,250,250,25 |

**Phần Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)** Mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **B** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Nêu ý nghĩa của sông hồ đối với đời sống con người và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.** |  |
| - Sông hồ châu Á có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống con người và môi trường tự nhiên: cung cấp nước cho đời sống, bảo vệ tự nhiên: bảo vệ sự đa dạng về sinh học, là thành phần môi trường sống.- Cần sử dụng hợp lí nguồn nước sông, hồ để tránh tình trạng ô nhiễm và cạn kiệt. | 0,750,75 |
| **2** |  **a)** Đánh giá những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của các khu vực Châu Á hiện nay.**- Thuận lợi:**- Châu Á có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú :+ Nhiều loại khoáng sản có trữ lượng rất lớn, đáng chú ý nhất là than, dầu mỏ, khí đốt, sắt, thiếc ...+ Các tài nguyên khác như đất, khí hậu, nguồn nước, thực vật, động vật và rừng rất đa dạng, các nguồn năng lượng (thuỷ năng, gió, năng lượng mặt trời, địa nhiệt...) rất dồi dào. Tính đa dạng của tài nguyên là cơ sở để tạo ra sự đa dạng các sản phẩm.**Khó khăn:**- Thiên nhiên châu Á cũng gây nhiều khó khăn cho con người:Các vùng núi cao hiểm trở, các hoang mạc khô cằn rộng lớn, các vùng khí hậu giá lạnh khắc nghiệt chiếm tỉ lệ lớn so với toàn bộ lãnh thổ đã gây trở ngại lớn cho việc giao lưu giữa các vùng, việc mở rộng diện tích trồng trọt và chăn nuôi của các dân tộc.Các thiên tai như động đất, hoạt động núi lửa, bão lụt... thường xảy ra ờ các vùng đảo và duyên hải Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á, gây thiệt hại lớn về người và của. | 0,250,250,250,25 |
|  | **b) Kể tên các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu.** | 0, 5 |
| - Các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu là: gạo, cà phê, cao su, rau quả, hạt tiêu, chè,…*(Lưu ý: Nếu HS kể được 3 mặt hàng trở lên thì cho điểm tối đa.)* |